

Số: 240/2026/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 333/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 25/02/1990. Số căn cước công dân: 0141. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã M, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 28/5/1989. Số căn cước công dân: 0140. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã M, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Văn B thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Văn B có 04 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 21/5/2010; cháu Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 15/4/2014; cháu Nguyễn Thị Thiên Ý, sinh ngày 06/9/2016 và cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 29/10/2018.

Chị N, anh B thống nhất giao các cháu T, N1, Ý, C cho chị Nguyễn Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu T, N1, Ý, C trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền là 1.000.000VNĐ/01 tháng/01 cháu (một triệu đồng/một tháng/một cháu); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi các cháu T, N1, Ý, C trưởng thành.

Chị N, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Chị N, anh B xác nhận đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Không có.

đ. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết N nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000407 ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - Sơn La, chị N được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Sơn La. Anh Nguyễn Văn B phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy